

Số: 533 /SNV-CC,VC

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 4 năm 2016

V/v hướng dẫn bổ nhiệm và
xếp lương chức danh nghề nghiệp
viên chức

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Hiện nay, một số Bộ ngành Trung ương đã ban hành các Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc các ngành lưu trữ; Văn hóa, thể dục thể thao; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp; Khoa học công nghệ; Tài nguyên và Môi trường (có phụ lục các văn bản kèm theo).

Để triển khai kịp thời việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức theo quy định tại các Thông tư liên tịch của các Bộ quản lý chuyên ngành nêu trên, Sở Nội vụ hướng dẫn các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát, lập danh sách, thẩm định hồ sơ, đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Về đối tượng, phạm vi áp dụng

Là viên chức, hiện đang công tác trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh (đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức hoặc được tiếp nhận viên chức theo quy định).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp

Hiện đang xếp lương theo ngạch viên chức theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các Thông tư của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại các Thông tư liên tịch của Bộ ngành Trung ương.

3. Nguyên tắc xếp lương khi được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:

- Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới theo quy định của các Thông tư liên tịch phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, chuyên môn nghiệp vụ hiện đang đảm nhận của viên chức.

- Viên chức hiện đang hưởng lương theo ngạch viên chức nào thì bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức đó (tương ứng theo quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ quản lý chuyên ngành).

- Không kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp (viên chức được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp mới, không có sự thay đổi về bậc, hệ số lương so với ngạch viên chức cũ).

- Các ngạch viên chức không có sự thay đổi hoặc chưa có hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương và đang bố trí đúng công việc, đúng trình độ chuyên môn, phù hợp với cơ cấu vị trí việc làm thì vẫn tạm giữ nguyên.

4. Cách chuyển xếp lương và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức

Căn cứ Thông tư của Bộ quản lý chuyên ngành và Bộ Nội vụ quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành và hướng dẫn bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, họp xét và lập phương án dự kiến bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định.

Cách xếp lương: Chuyển xếp ngang bậc, hệ số lương và phần trăm (%) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ vào chức danh nghề nghiệp mới dự kiến bổ nhiệm (kể cả thời gian tính nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ).

Các cơ quan, đơn vị, địa phương lập danh sách theo các biểu mẫu sau:

- Danh sách đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý; viên chức bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng I (theo biểu mẫu số 01).

- Danh sách đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quản lý (theo biểu mẫu số 02).

- Danh sách đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng II (theo biểu mẫu số 03).

- Danh sách đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng III, hạng IV (theo biểu mẫu số 04).

5. Trách nhiệm và thẩm quyền, tổ chức thực hiện:

- Giám đốc các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm:

+ Xác định đối tượng, kiểm tra các thành phần hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp của viên chức.

+ Căn cứ quy định tại các Thông tư liên tịch của Bộ quản lý chuyên ngành và Bộ Nội vụ, lập danh sách đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương về bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức và xếp lương theo quy định đối với viên chức trong toàn tỉnh (trừ đối tượng viên chức lãnh đạo quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý).

- Đối với viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị về Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Căn cứ Thông báo của Tỉnh ủy, Sở Nội vụ sẽ tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc báo cáo cấp thẩm quyền giải quyết theo quy định.

- Đối với viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Hồ sơ cá nhân viên chức đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp

- Bản sao: Quyết định tuyển dụng, tiếp nhận hoặc các quyết định nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao Quyết định lương hiện hưởng.

- Bản sao: Văn bằng chuyên môn, chứng chỉ (Ngoại ngữ; Tin học; Bồi dưỡng chuyên ngành...)

(Hồ sơ cá nhân được lập 2 bộ, để lưu tại cơ quan, đơn vị, địa phương và gửi Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, giải quyết)

* **Lưu ý:** Đối với viên chức còn thiếu các chứng chỉ (Ngoại ngữ; tin học; bồi dưỡng chuyên ngành...), các cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn lập danh sách đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp. Sau đó tạo điều kiện để viên chức tự đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện các chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

7. Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy gồm có:

- Công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Danh sách viên chức đề nghị bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp.

- Bản sao quyết định tuyển dụng, tiếp nhận hoặc các quyết định nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại viên chức của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao Quyết định lương hiện hưởng.

8. Thời hạn gửi văn bản, hồ sơ, danh sách đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp về Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy, chậm nhất vào ngày 31/5/2016 và gửi bản mềm (Microsoft Excel) danh sách đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức theo địa chỉ Email: phongqlccvc@quangninh.gov.vn.

Trường hợp các Bộ quản lý chuyên ngành và Bộ Nội vụ ban hành thêm các Thông tư liên tịch quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, thì các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện theo nội dung của Công văn này. Đồng thời trong quá trình thực hiện, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh những khó khăn vướng mắc, phát sinh về Sở Nội vụ để thống nhất, phối hợp giải quyết.

Sở Nội vụ thông báo để các cơ quan, đơn vị, địa phương được biết và phối hợp thực hiện./.

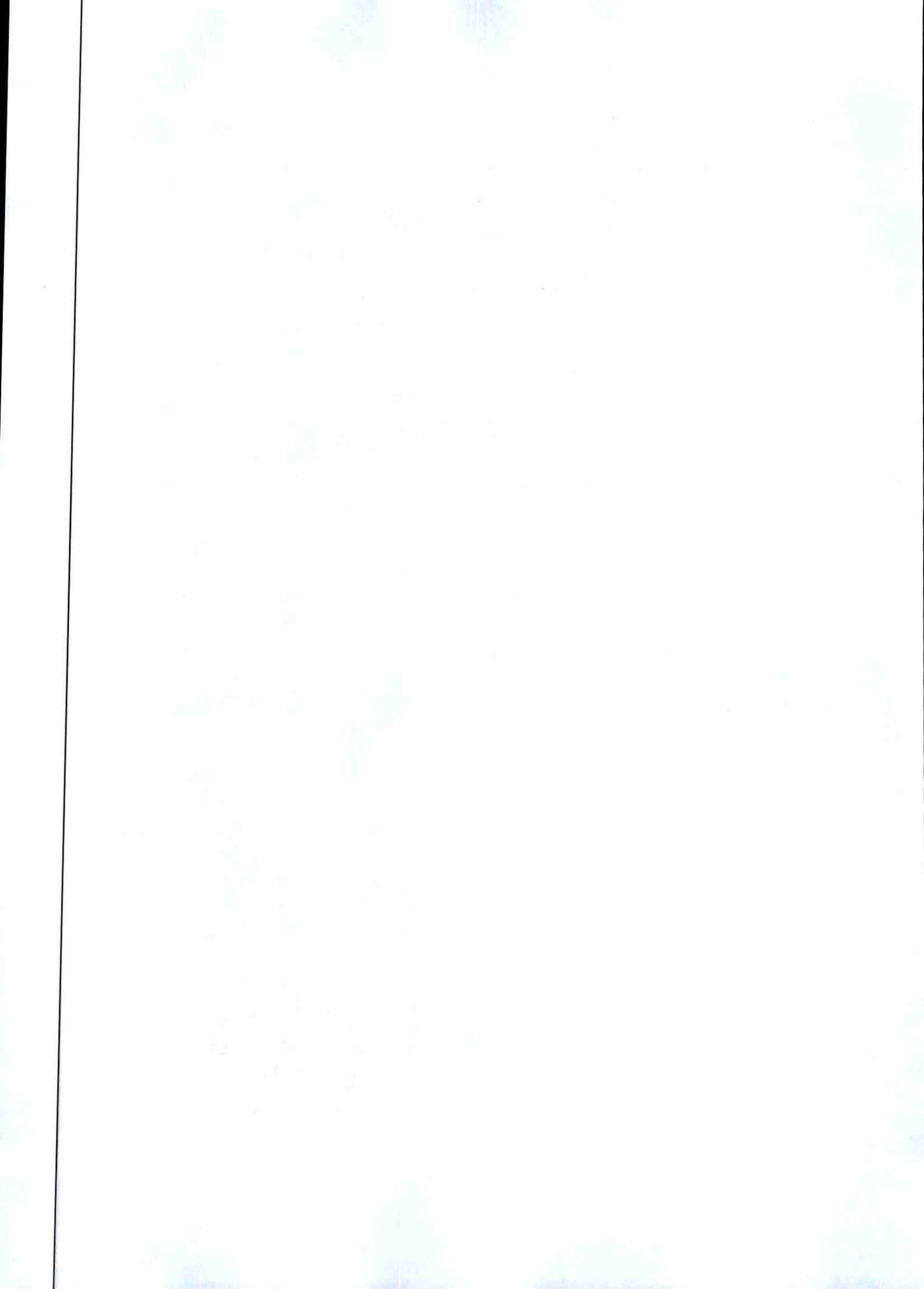
Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);

- Như trên;

- Lưu: VT; CC, VC

GIÁM ĐỐC
CỘNG HÒA X.H.C.N
SỞ NỘI VỤ
TỈNH QUẢNG NINH
Lê Thị Hạnh



PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

CỦA CÁC BỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Công văn số 533 /SNV-CC,VC ngày 17 tháng 4 năm 2016 của Sở Nội vụ)



TT	Tên văn bản
I	Giáo dục và Đào tạo
1	Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục-Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập
2	Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 06/11/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghiệp giáo viên đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập
3	Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập
4	Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập
5	Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập
6	Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập
II	Y tế
1	Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ
2	Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng
3	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y



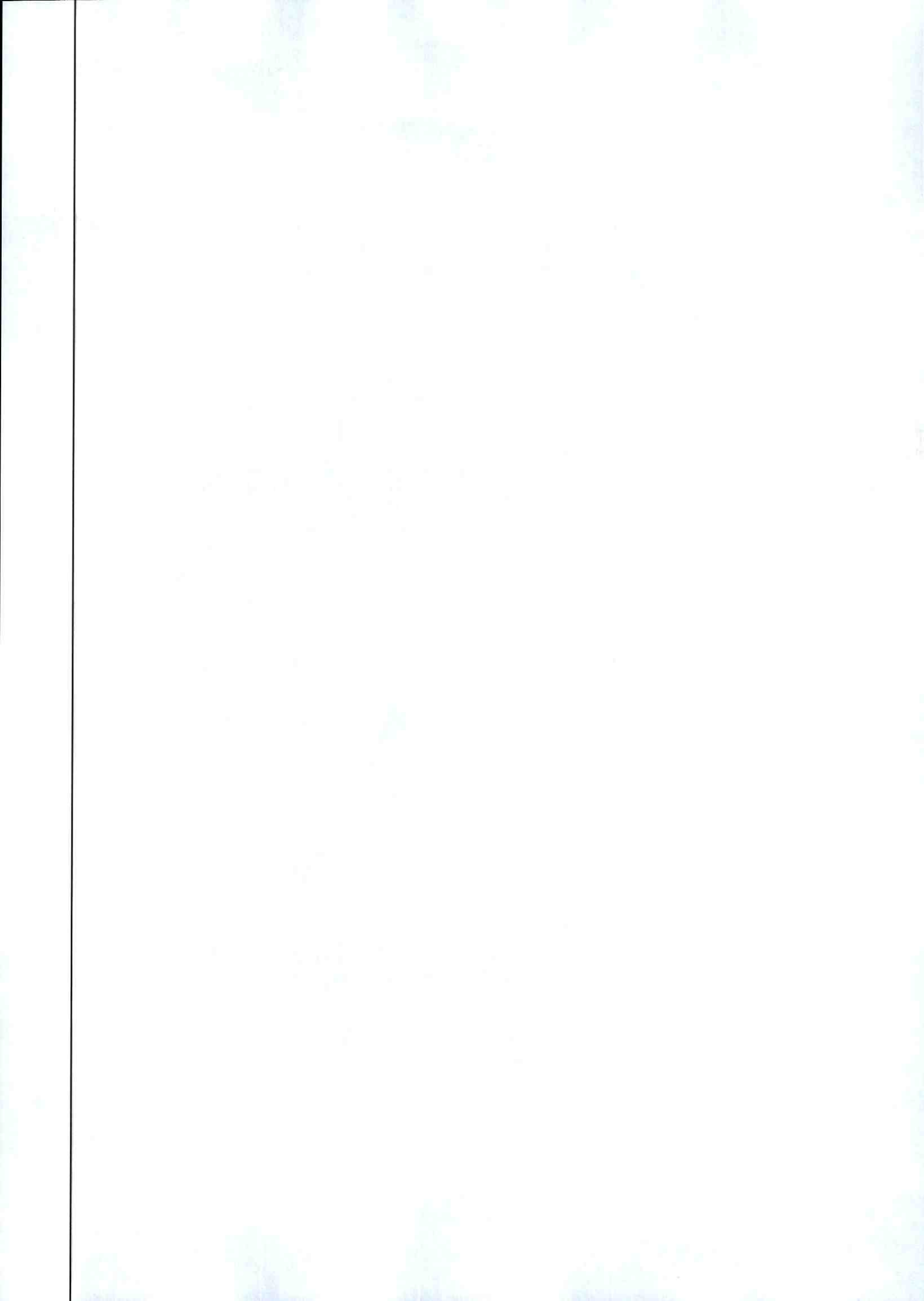
4	Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược
5	Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng
III	Văn hóa, thể dục, thể thao
1	Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao
2	Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thư viện
3	Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BNV-BVHTTDL ngày 26/6/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch hướng dẫn bổ nhiệm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao
4	Thông tư liên tịch số 09/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành di sản văn hóa
5	Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành nghệ thuật biên diễn và điện ảnh
IV	Nông nghiệp
1	Thông tư liên tịch số 36/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật
2	Thông tư liên tịch số 37/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi, thú y
3	Thông tư liên tịch số 38/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản
V	Khoa học Công nghệ
1	Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ





VI	Lao động Thương binh và xã hội
1	Thông tư liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành công tác xã hội
2	Thông tư liên tịch số 35/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
VII	Tài nguyên và Môi trường
1	Thông tư liên tịch số 52/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính
2	Thông tư liên tịch số 53/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường
3	Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn
4	Thông tư liên tịch số 55/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn
5	Thông tư liên tịch số 56/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường
6	Thông tư liên tịch số 57/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ
VIII	Thư viện
1	Thông tư số 02/2015/TT-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành thư viện
VI	Lưu trữ
1	Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ





DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHIỆP NGHIỆP VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO THUỘC ĐIỆN TỈNH ỦY QUẬN LÝ

(Ban hành kèm theo Công văn số: ngày..... tháng..... năm 2016 của cơ quan, đơn vị.....)

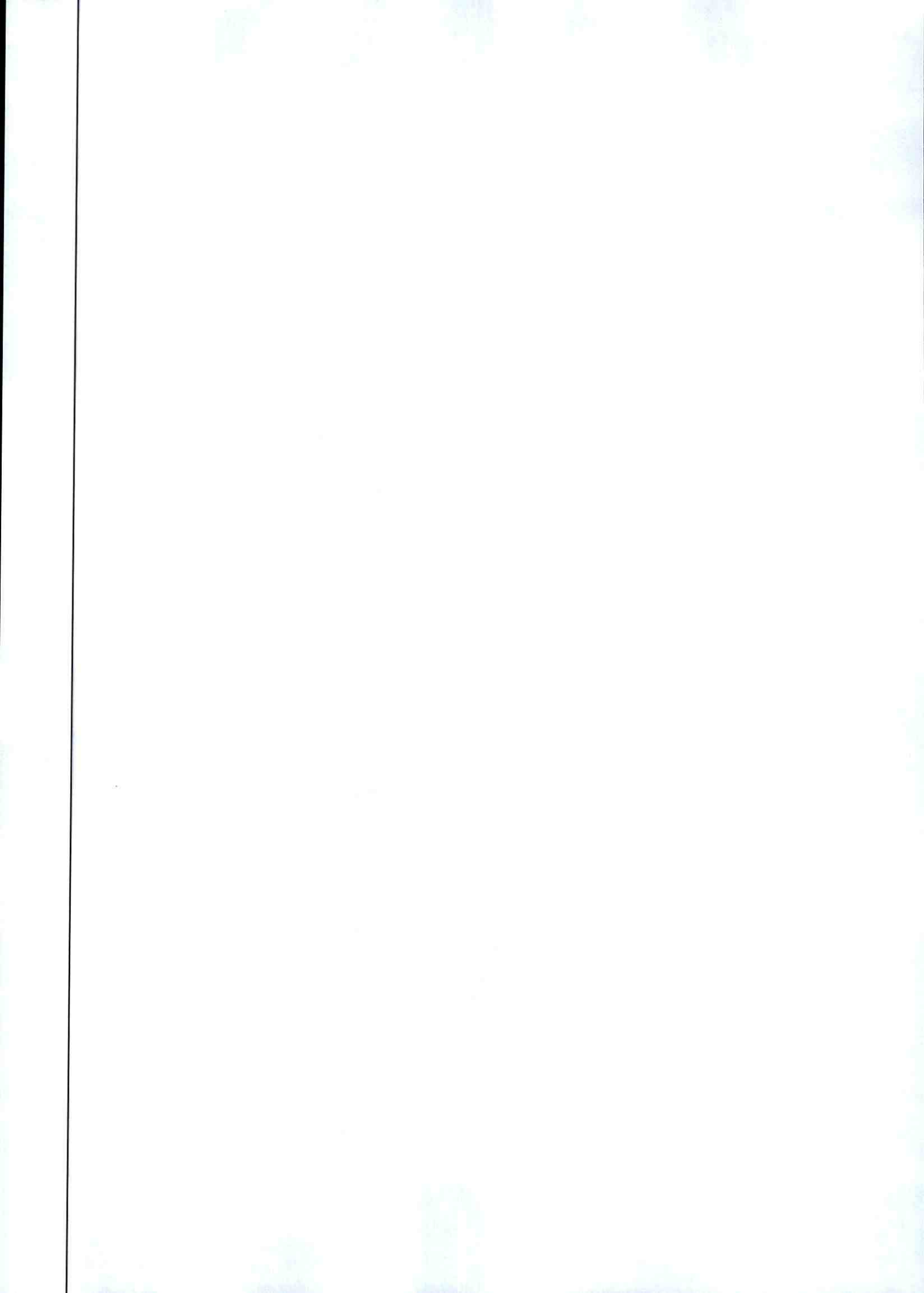
Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp	Lương hiện hưởng							Bỏ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương					
								Ngạch viên chức	Bậc	Hệ số	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời điểm hưởng lương	Chức danh nghề nghiệp hàng (I, II...)	Mã số	Bậc	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian lương lần sau
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	Cơ quan, đơn vị																			
1																				
2																				
3																				
...																				

Ấn định danh sách trên là..... người./.

..... ngày..... tháng..... năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO THUỘC DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ỦY QUẢN LÝ**
(Ban hành kèm theo Công văn số:..... ngày..... tháng..... năm 2016 của cơ quan, đơn vị.....)

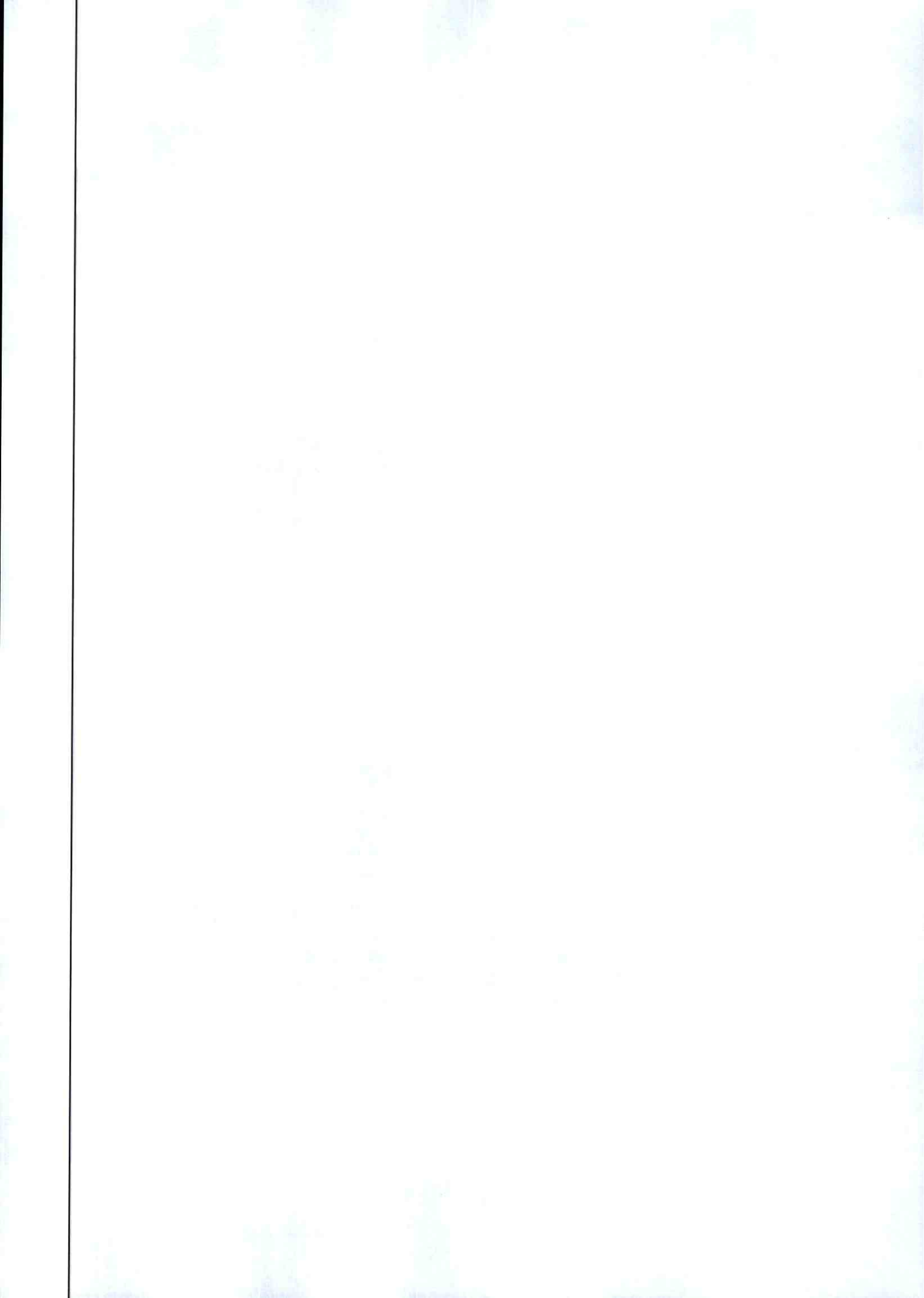
Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp	Lương hiện hưởng							Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương					
								Ngạch viên chức	Bậc	Hệ số	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời điểm hưởng lương	Chức danh nghề nghiệp hạng (I, II...)	Mã số	Bậc	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian lương lần sau
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Cơ quan, đơn vị																			
2																				
3																				
...																				

Ấn định danh sách trên là..... người./

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 2016



**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC HẠNG II**

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm 2015 của)

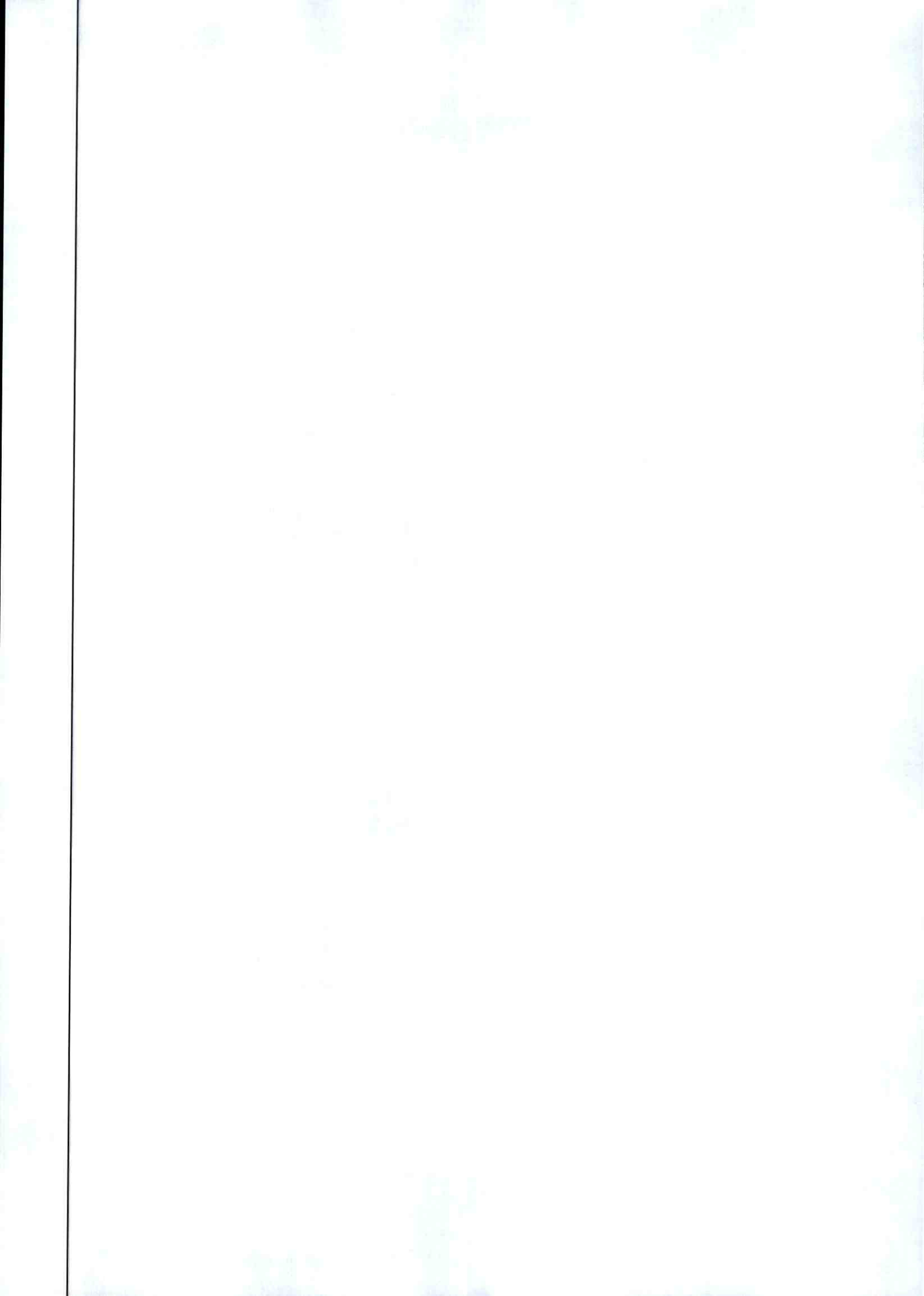
Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ bồi dưỡng theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp	Lương hiện hưởng										Bỏ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương				Ghi chú
								Ngạch	Mã số	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời điểm hưởng lương	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
1	Cơ quan, đơn vị																					
1																						
2																						
3																						
...																						

Ấn định danh sách trên là người./

....., ngày tháng năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC HÀNG III VÀ HÀNG IV**

(Ban hành kèm theo Công văn số: ngày..... tháng..... năm 2016 của cơ quan, đơn vị, địa phương)

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp	Lương hiện hưởng										Bỏ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương					Ghi chú
								9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
1	2	3	4	5	6	7	8	Ngạch	Mã số	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời điểm hưởng lương	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng bậc lương lần sau tính từ ngày	21			
I	Cơ quan, đơn vị																						
1																							
2																							
3																							
...																							

Tổng cộng danh sách trên là..... người./

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm 2016
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

